

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
TP. HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **03/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: 02-01-2018

V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Cẩm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh.

2. Ông Phạm Văn Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Tuấn Khương – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Phan Mỹ Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 01 năm 2018, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 824/2017/TLST-HNGĐ ngày 17-7-2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 420/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10-11-2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 326/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07-12-2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm: 1965

Địa chỉ: E16/12 ấp 5, xã C, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. (Ông H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1967

Địa chỉ: E16/23 ấp 5, xã C, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. (Bà T vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 04-7-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án – Nguyên đơn ông Phạm Văn H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị T bắt đầu chung sống từ năm 1984, do mai mối nhưng cũng có tìm hiểu được vài tháng, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 28-9-1993. Thời gian đầu ông và bà T chung sống cũng hạnh phúc, đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp từ nuôi dạy con cái đến những vấn đề liên quan đến kinh tế của gia đình. Năm 2007 ông về nhà cha mẹ ruột ở, vì vậy ông và bà T sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung, ông và bà T có hai con chung tên Phạm Thị Bích C, sinh ngày 04-3-1987 và Phạm Minh Tr, sinh ngày 16-7-1991, tất cả các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung, ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, ông xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, thông qua Văn phòng thừa phát lại huyện Bình Chánh, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà Nguyễn Thị T vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không thể hiện ý kiến của mình bằng bất cứ văn bản nào.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh luận của các bên đương sự thì xét thấy thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Nguyên đơn ông Phạm Văn H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị T. Theo kết quả trả lời xác minh của Công an xã Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh thì đương sự Nguyễn Thị T có đăng ký tạm trú và hiện đang cư trú, sinh sống tại địa chỉ E16/23 ấp 5, xã C, huyện B. Như vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Do nguyên đơn ông Phạm Văn H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về sự vắng mặt của bị đơn, thông qua Văn phòng thừa phát lại huyện Bình Chánh, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cho bà Nguyễn Thị T nhưng bà T vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 190/ĐKTH, Quyền số 01/1993 đăng ký tại Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 28-9-1993 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông H xác định giữa ông và bà T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp từ nuôi dạy con cái đến những vấn đề liên quan đến kinh tế của gia đình, vợ chồng sống ly thân từ năm 2007 cho đến nay. Vì vậy, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà T. Hội đồng xét xử xét thấy, giữa ông H và bà T sống ly thân một thời gian dài, đôi bên không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Mặt khác, kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa xét xử bà T vẫn vắng mặt, điều này chứng tỏ giữa hai người đã không còn tình cảm vợ chồng, không có thiện chí đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của ông H đối với bà T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung: Ông H xác nhận giữa ông và bà T có có hai con chung tên Phạm Thị Bích C, sinh ngày 04-3-1987 (giới tính nữ) và Phạm Minh Tr, sinh ngày 16-7-1991 (giới tính nam), tất cả các con đã trưởng thành.

[7] Về tài sản chung: Ông H xác định giữa ông và bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn bà T vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của bà về tài sản chung giữa bà và ông H. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận

vấn đề tài sản chung theo yêu cầu của ông H, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[8] Về nợ chung: Ông H xác định giữa ông và bà T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn bà T vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của bà về nợ giữa bà và ông H. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề nợ chung theo yêu cầu của ông H, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[9] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn ông Phạm Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

[10] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung thì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn H đối với bị đơn bà Nguyễn Thị T về việc tranh chấp ly hôn.

1.1 Về hôn nhân: Ông Phạm Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị T. Quan hệ hôn nhân giữa ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị T chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 190/ĐKTH, Quyền số 01/1993 đăng ký tại Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 28-9-1993 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị T có hai con chung tên Phạm Thị Bích C, sinh ngày 04-3-1987 (giới tính nữ) và Phạm Minh Tr, sinh ngày 16-7-1991 (giới tính nam), tất cả các con đã trưởng thành.

1.3 Về tài sản chung: Ông Phạm Văn H xác định giữa ông và bà Nguyễn Thị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra

giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

1.4 Về nợ chung: Ông Phạm Văn H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

2. Về án phí: Nguyên đơn ông Phạm Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà ông H đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0022419 ngày 14-7-2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H.BC;
- Chi cục THADS H.BC;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thị Hồng Cẩm